ỦY BAN NHÂN DÂN **HUYỆN LỘC BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 100 /QĐ-UBND	*Lộc Bình, ngày 14 tháng 01 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu: Mua hóa chất xét nghiệm sinh hóa máy Pictus 400, hãng Diatron- Hungary

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN LỘC BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 23/6/2023;

Căn cứ Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27/2/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 22/2024/TT-BKHĐT ngày 17/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành Thông tư hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về lựa chọn nhà thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;

Căn cứ Công văn số 4060/BYT-KH-TC ngày 16/7/2024 của Bộ Y tế về việc bảo đảm thuốc, vật tư y tế, thiết bị y tế phục vụ công tác khám, chữa bệnh;

Căn cứ Nghị quyết số 10/2018/NQ-HĐND ngày 20/7/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lạng Sơn quy định phân cấp quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Lạng Sơn; Nghị quyết số 15/2024/NQ-HĐND ngày 30/9/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lạng Sơn sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định phân cấp quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Lạng Sơn ban hành kèm theo Nghị quyết số 10/2018/NQ-HĐND ngày 20/7/2018 của HĐND tỉnh;

Căn cứ Công văn số 3681/VP-KGVX ngày 17/7/2024 của UBND tỉnh Lạng Sơn về việc bảo đảm thuốc, vật tư y tế, thiết bị y tế phục vụ công tác khám, chữa bệnh;

Căn cứ Công văn số 2108/SYT-NVYD ngày 21/7/2024 của Sở Y tế tỉnh Lạng Sơn về việc bảo đảm thuốc, vật tư y tế, thiết bị y tế phục vụ công tác khám, chữa bệnh;

Căn cứ Công văn số 2625/SYT-NVYD ngày 05/9/2024 của Sở Y tế tỉnh Lạng Sơn về việc mua sắm thuốc, hóa chất, vật tư xét nghiệm, thiết bị y tế và các dịch vụ liên quan khác phục vụ công tác khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Báo cáo thẩm định số 08/BC-TCKH ngày 06/01/2025 của phòng Tài chính - Kế hoạch về việc thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà thầu, gói thầu mua vật tư y tế năm 2025;

Theo đề nghị của Trung tâm Y tế tại Tờ trình số 04/TTr-TTYT ngày 06/01/2025 về việc đề nghị phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu: Mua hóa chất xét nghiệm sinh hóa máy Pictus 400, hãng Diatron- Hungary.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu: Mua hóa chất xét nghiệm sinh hóa máy Pictus 400, hãng Diatron- Hungary, tổng số tiền 339.675.000 đồng *(Bằng chữ: Ba trăm ba mươi chín triệu sáu trăm bẩy mươi năm nghìn đồng),* chi tiết theo phụ lục đính kèm.

Điều 2. Trung tâm Y tế huyện Lộc Bình chịu trách nhiệm tổ chức lựa chọn nhà thầu theo kế hoạch lựa chọn nhà thầu được phê duyệt đảm bảo tuân thủ các quy định hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện; Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch; Giám đốc Trung tâm Y tế huyện Lộc Bình; Giám đốc Kho bạc nhà nước Lộc Bình và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- TT Huyện ủy;
- TT HĐND huyện;
- CT, PCT UBND huyện;
- Trang thông tin điện tử huyện;
- Lưu: VT, TCKH(VTB).

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN LỘC BÌNH T. LẠNG SƠN

Hoàng Hùng Cường

DANH MỤC HÀNG HÓA

Mua hóa chất xét nghiệm sinh hóa máy Pentus 400, hãng Diatron- Hungary

(Kèm theo Quyết định số 100 /QĐ-UBND ngày 14/01/2025 của Chủ tịch UBND huyện Lộc Bình)

Đơn vị tính: Đồng

STT	Tên hàng hóa mời thầu	Quy cách đóng gói	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Thuốc thử xét nghiệm định lượng Albumin	R: 6X50ML	Mẫu: huyết thanh Phương pháp đo: Bromcresol green; Dải đo: 0,025 - 6 g/dL. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 Thành phần: Bromcresol green 0,25 mM Succinat Buffer 85 mM chất hoạt động bề mặt PH 4.20 ± 0.1	Hộp	3	975.000	2.925.000
2	Thuốc thử xét nghiệm định lượng Amylase	R1: 5 x 40 mL + R2: 1 x 50 Ml	Mẫu: huyết thanh Phương pháp đo: hydrolyzes the substrate Dải đo: 0,596 - 1800 U/L. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 Thành phần: Thuốc thử R1: MES Buffer 50 mmol/L Calcium chloride 6 mmol/L Sodium chloride 300 mmol/L KSCN 140 mmol/L chất bảo quản và chất ổn định pH = 6.0 Thuốc thử R2: MES Buffer 50 mmol/L Gal-G2- α –CNP 4.0 mmol/L Chất bảo quản	Hộp	6	5.000.000	30.000.000
3	Thuốc thử xét nghiệm định lượng Direct Bilirubin	R1: 5 x 40 mL + R2: 1 x 50 mL	Mẫu: huyết thanh, Phương pháp đo: acid diazo, Dải đo: 0,0086 -20 mg/dL. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 Thành phần: Thuốc thử R1HCL 150 mM Sulphanilic Acid 30 mM Thuốc thử R2 Sodium Nitrite 29 mM	Hộp	3	2.200.000	6.600.000

STT	Tên hàng hóa mời thầu	Quy cách đóng gói	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
4	Thuốc thử xét nghiệm định lượng Bilirubin toàn phần	R1: 5 x 40 mL + R2: 1 x 50 mL	Mẫu: huyết thanh Phương pháp đo: diazotized sulfanilic acid Dải đo: 0,009 -20 mg/dL. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 Thành phần: Thuốc thử R1 HCL 50 mM Sulphanilic Acid 30 mM. Thuốc thử R2 Sodium Nitrite 145 mM	Hộp	3	2.200.000	6.600.000
5	Thuốc thử xét nghiệm định lượng Ca (Calci)	6X50ML	Thành phần: Arsenazo III 0,2 mM Imidazol Buffer 100 mM Chất hoạt động bề mặt pH 8,5 Dải đo: 0,99 mg/dL.- 17 mg/dL Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Hộp	6	2.200.000	13.200.000
6	Thuốc thử xét nghiệm định lượng Cholesterol	R: 6X100ML	Mẫu: huyết thanh Phương pháp đo: esterase and oxidase Dải đo: 0,87-700 mg/dL Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 Thành phần: PIPES 90 mM4-Aminoantipyrin 0.40 mM Cholesterol oxidase 350 U/L Cholesterol esterase 500 U/L Peroxidase 1000 U/L Phenol 28 mM pH 6,8 ±0.2	Hộp	4	4.250.000	17.000.000
7	Thuốc thử xét nghiệm định lượng Creatinine	R1: 3 x 100 mL + R2: 3 x 100 Ml	Mẫu: huyết thanh/nước tiểu Phương pháp đo: Jaffe Dải đo: 0,014 - 25 mg/dL Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 Thành phần: Thuốc thử R1 Sodium hydroxide 350 mM pH 13.0 ± 0.2 Thuốc thử R2 Picric acid 10 mM pH 2,6 ± 0.1	Hộp	10	3.150.000	31.500.000
8	Thuốc thử xét nghiệm định lượng Glucose	R: 6X100ML	Mẫu: huyết thanh Phương pháp đo: Glucose Oxidase/peroxide Dải đo: 1,34-500 mg/dL. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 Thành phần: Glucose Oxidase ≤23 U/mL Peroxidase ≤0,75 U/mL Aminoantipyrine 0,30 mM 4-Chlorophenol < 10 mM Chất ổn định và chất độn không phản ứng Natri Azide 0,05%. pH 7.4 ± 0.15	Hộp	10	2.700.000	27.000.000

STT	Tên hàng hóa mời thầu	Quy cách đóng gói	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
9	Thuốc thử xét nghiệm định lượng AST	R1: 5 x 80 mL + R2: 1 x 100 Ml	Mẫu: huyết thanh Phương pháp đo: IFCC Dải đo: 1,95 - 500 IU/L Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 Thành phần: Thuốc thử R1: Tris Buffer ≥100 mM L-Aspartic acid ≥330 mM Malate dehydrogenase (MDH) >1000 U/L LDH (microbial) >2000 U/L pH 7.8 ± 0.1 Thuốc thử R2 NADH 1,1 mM α-Ketoglutaric acid ≥78 mM Sodium azide 0.01 % pH 10.0 ± 0.1	Hộp	10	3.250.000	32.500.000
10	Thuốc thử xét nghiệm định lượng ALT	R1: 5 x 80 mL + R2: 1 x 100 Ml	Mẫu: huyết thanh Phương pháp đo: IFCC Dải đo: 1,46 - 500 IU/L Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 Thành phần: Thuốc thử R1:Tris Buffer ≥125 mM L-Alanine ≥680 mM LDH (microbial) >2000 U/L pH 7.5 ± 0.1 Thuốc thử R2: α-ketoglutaric acid ≥97 mM NADH 1.1 mM Sodium azide 0.01 %	Hộp	10	3.250.000	32.500.000
11	Thuốc thử xét nghiệm định lượng Gamma Gt	R1: 5 x 40 mL + R2: 1 x 50 Ml	Mẫu: huyết thanh Phương pháp đo: IFCC Dải đo: 1,19-1200 U/L. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 Thành phần: Thuốc thử R1 Tris buffer 100 mM Glycylglycine 100 mM pH 8,55± 0,1 Thuốc thử R2 L-gamma glutamyl 3-carboxy 4-nitroanilide 3.0 mM pH 6,15± 0,1	Hộp	10	2.750.000	27.500.000
12	Thuốc thử xét nghiệm định lượng Protein	R: 6X50ML	Thành phần: Sodium Hydroxide 600 mM Cupric Sulfate 12 mM Potassium Sodium Tartrate 32 mM Potassium Iodide 30 mM	Hộp	3	1.500.000	4.500.000
13	Thuốc thử xét nghiệm định lượng Triglycerides	R: 6X100ML	Mẫu: huyết thanh Phương pháp đo: linear, endpoint Dải đo: 0,63- 1000 mg/dL. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 Thành phần: ATP 0,1 mM 4-Aminophenazone 0,1 mM p- chlorophenol 2,0 mM GPO 3500 U/L Lipoprotein Lipase ≥150000 U/L GK 500 U/L GOOD 50 mM pH 6,3 ± 0,1	Hộp	4	4.250.000	17.000.000
14	Thuốc thử xét nghiệm định	R1: 5 x 80 mL +	Mẫu: huyết thanh Phương pháp đo: urease/ glutamate dehydrogenase	Hộp	10	3.400.000	34.000.000

STT	Tên hàng hóa mời thầu	Quy cách đóng gói	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
	lượng Ure	R2: 1 x 100 mL	Dải đo: 1,17- 250 mg/dL. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 Thành phần: Buffer α-Ketoglutarate < 4.0 mM Urease ≥7500 U/L GLDH ≥1000 U/L ADP > 2.0 mM NADH 1,29 mM Chất ổn định và chất tẩy rửa pH 7.4 ± 0.1				
15	Thuốc thử xét nghiệm định lượng Acid Uric	R: 6X100ML	Mẫu: huyết thanh Phương pháp đo: uricase/peroxidase. Dải đo: 0,063 - 25 mg/dL. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 Thành phần: TOOS <1 mM 4-AAP <4 mM Uricase ≥150 U/L Peroxidase ≥12000 U/L Chất ổn định và chất độn không phản ứng.	Hộp	3	3.750.000	11.250.000
16	Thuốc thử hiệu chuẩn chung	1 x 3ml	Là huyết thanh đông khô của con người, Với hầu hết nồng độ thành phần và hoạt tính trong giới hạn bình thường. Thành phần: Huyết thanh của con người. Phụ gia sinh học. Các chất kìm khuẩn	Lọ	20	600.000	12.000.000
17	Thuốc thử kiểm soát chất lượng mức bất thường	1 x 5ml	Là huyết thanh đông khô của con người, Với hầu hết nồng độ thành phần và hoạt tính trong giới hạn bình thường. Thành phần: Huyết thanh của con người. Phụ gia sinh học. Các chất kìm khuẩn	Lọ	25	600.000	15.000.000
18	Thuốc thử kiểm soát chất lượng mức bình thường	1 x 5ml	Là huyết thanh đông khô của con người, Với hầu hết nồng độ thành phần và hoạt tính trong phạm vi bất thường. 'Thành phần: Huyết thanh của con người. Phụ gia sinh học. Các chất kìm khuẩn	Lọ	25	600.000	15.000.000
19	Hóa chất rửa chung máy sinh hóa	1000 ml	Thành phần: 0.1 N NaOH Chất hoạt động bề mặt < 0,01% Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Hộp	3	1.200.000	3.600.000
Tổng cộng 19 khoản							**339.675.000**

BIỂU KẾ HOẠCH LỰA CHỌN NHÀ THẦU

Mua hóa chất xét nghiệm sinh hóa máy Pictus 400, hãng Diatron- Hungary

(Kèm theo Quyết định số 100 /QĐ-UBND ngày 14/01/2025 của Chủ tịch UBND huyện Lộc Bình)

STT	Tên chủ đầu tư	Tên gói thầu		Giá gói thầu (đồng)	Nguồn vốn	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Phương thức lựa chọn nhà thầu	Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu	Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu	Loại hợp đồng	Thời gian thực hiện hợp đồng	Tùy chọn mua thêm	Giám sát hoạt động đấu thầu
		Tên gói thầu	Tóm tắt công việc chính của gói thầu										
1	Trung tâm Y tế huyện Lộc Bình	Mua hóa chất xét nghiệm sinh hóa máy Pictus 400, hãng Diatron-Hungary	Mua hóa chất xét nghiệm sinh hóa máy Pictus 400, hãng Diatron-Hungary	339.675.000	Nguồn quỹ bảo hiểm y tế chi trả, nguồn thu từ dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh và nguồn thu hợp pháp khác của đơn vị	Đấu thầu rộng rãi	Một giai đoạn một túi hồ sơ	90 ngày	Quý I năm 2025	Trọn gói	12 tháng	Không	Trung tâm Y tế huyện Lộc Bình
	Tổng giá trị gói thầu			**339.675.000**	*Bằng chữ: Ba trăm ba mươi chín triệu sáu trăm bẩy mươi lăm nghìn đồng./.*								